

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31-5-2018

V/v ly hôn giữa Anh C, chị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Sơn;

Ông Trần Tiến Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 12, xã HV, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 12, xã HV, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/3/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Trần Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Bùi Thị T đăng ký kết hôn ngày 20/01/2006, tại Ủy ban nhân dân xã Hải Vân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam

Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, hai người chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh C tại xóm 12 xã Hải Vân. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian anh C đi làm ăn xa và nghe được thông tin chị T không chung thủy, có quan hệ bất chính với người khác dẫn đến có thai ngoài ý muốn. Vì vậy, vợ chồng nhiều lần xảy ra xô sát, anh C lại thường xuyên làm ăn xa nhà nên mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm kể từ năm 2014 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 29-10-2006. Từ khi vợ chồng ly thân, con chung vẫn ở với anh C và bố mẹ đẻ anh C. Chị T mặc dù ở nhà bố mẹ đẻ gần nhà anh C nhưng rất ít khi qua lại thăm con. Đến nay, con chung đã lớn, đủ khả năng nhận thức và có thể làm một số việc nhỏ phục vụ nhu cầu bản thân. Khi ly hôn, con chung có nguyện vọng ở với anh. Anh C xác định bản thân anh hiện có điều kiện về thời gian, kinh tế để nuôi con tốt hơn chị T nên anh C đề nghị được nuôi con chung mà không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên khi ly hôn anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 2-3-2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Bùi Thị T có lời khai phù hợp với lời khai của anh Trần Văn C về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị T trình bày là do anh C mắc phải tệ nạn xã hội và chung sống như vợ chồng với nhiều người khác trong thời gian đi làm ăn xa. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt nên vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm kể từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh C làm đơn xin ly hôn, bản thân chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì cả hai bên gia đình đều theo đạo thiên chúa giáo nên chị T không nhất trí ly hôn. Chị T đề nghị vợ chồng sống ly thân như hiện nay để giữ đạo.

Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung như anh C đã trình bày là đúng. Mặc dù con chung hiện đang ở với anh C, chị T cũng biết

nguyện vọng của con xin được ở với anh C nhưng nếu ly hôn, chị T cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình tố tụng anh Trần Văn C có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; chị Bùi Thị T mặc dù đã được triệu hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh C, chị T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn C và chị Bùi Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Vân đăng ký kết hôn ngày 20-01-2006. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế khó khăn, anh C phải đi làm kinh tế xa nhà nhưng hai người lại không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến không thông cảm và chia sẻ được với nhau. Anh C và chị T đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm, nghĩa vụ từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh C đề nghị xin được ly hôn, Chị T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng không nhất trí ly hôn mà đề nghị sống ly thân để giữ đạo.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mặc dù chị T đề nghị vợ chồng sống ly thân nhưng anh C không nhất trí, hơn nữa việc vợ chồng sống ly thân sẽ không đảm bảo mục đích của hôn nhân nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng anh Trần Văn C và chị Bùi Thị T có một con chung là cháu Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 29/10/2006, hiện đang do anh C nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh C và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù cả anh C và chị T đều khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con chung. Tuy nhiên, căn cứ biên bản lấy lời khai của cháu Trần Thị Anh Thư, lời khai của các bên đương sự, đơn đề nghị của anh C có xác nhận của chính quyền địa phương thì thấy: Cháu Anh Thư có lời khai xin được ở với anh C; trong thời gian vợ chồng ly thân cháu Thư ở với anh C và được anh C nuôi dưỡng, học hành đầy đủ, đảm bảo mọi điều kiện cho cháu phát

triển tốt về mọi mặt. Quá trình giải quyết vụ án, chị T không chứng minh được chỗ ở cũng như thu nhập và các điều kiện khác để đảm bảo tốt việc nuôi dạy con chung; nhiều lần Tòa án gửi giấy triệu tập nhưng chị T không đến làm việc, Tòa án đã mở phiên tòa 2 lần nhưng cả 2 lần chị T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, xét nên giao con chung của vợ chồng là cháu Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 29-10-2006 cho anh Trần Văn C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh C, được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc chị T thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và công nợ*: Anh C và chị T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên về tài sản chung và công nợ không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn C và chị Bùi Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Anh Thư, sinh ngày 29-10-2006 cho anh Trần Văn C nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Bùi Thị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh C và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Anh Trần Văn C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2015/0002438 ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh Trần Văn C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Dương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải Vân: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Ái

